TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 71/2019/DS-ST.
Ngày: 09/12/2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Trung Thảo;

Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu- Cán bộ Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Ông Trần Xuân Mạnh- Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 09 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1948;
2. Bà Hồ Thị Kim N, sinh năm 1972;
3. Ông Hồ Chí T, sinh năm 1974;
4. Ông Hồ Chí H2, sinh năm 1979;
5. Ông Hồ Chí H3, sinh năm 1982;
6. Bà Hồ Thị Diệu H1, sinh năm 1988.

Bà H, bà N, ông T, ông H3, bà H1 cùng ủy quyền cho ông Hồ Chí H2, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên bà H có luật sư Trần Vĩ C, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn MTV K, thuộc đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1936.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1973 (con ông C);

2/ Ông Trần Văn K, sinh năm 1975 (con ông C;

3/ Ông Trần Văn Q, sinh năm 1976 (con ông C);

4/ Ông Trần Văn T1, sinh năm 1979 (con ông C);

5/ Ông Trần Văn T2, sinh năm 1982 (con ông C);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Bà Trần Thị Kiều T, sinh năm 1984 (con ông C);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, Đồng Tháp.

Ông C, ông H, ông K, ông Q, ông T và bà T cùng ủy quyền cho ông Trần Văn T2, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2019; tờ tường trình ngày 13/6/2019; biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2019; biên bản hòa giải ngày 22/11/2019 và tại phiên tòa đại diện các nguyên đơn ông Hồ Chí H2 trình bày: Vào ngày 06/02/1994, cha mẹ ông (ông Q và bà H) có thỏa thuận với vợ chồng ông Trần Văn C đổi đất với nhau, cụ thể: cha, mẹ ông có 1.300m^2 đất ruộng thuộc thửa 2657, tờ bản đồ số 02, do mẹ ông (bà H) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đổi cho bên ông C quản lý và sử dụng, bên ông C sẽ đổi lại cho cha, mẹ ông 320m^2 đất (chiều ngang 16 mét, chiều dài 20 mét) thuộc 1 phần của thửa đất số 206, do bên ông C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để cha, mẹ ông cất nhà ở và trồng cây, hai bên có làm giấy thỏa thuận đổi đất với nhau.

Sau khi làm tờ thỏa thuận xong cha, mẹ ông đã giao diện tích đất ruộng thuộc thửa 2657 cho ông C sử dụng, bên ông C cũng đã giao 320m^2 cho cha, mẹ ông sử dụng ổn định từ năm 1994 đến nay. Lúc cha ông (Hồ Văn Q) còn sống có yêu cầu ông C chuyển quyền sử dụng đất cho gia đình ông nhưng ông C cứ hẹn không thực hiện.

Nay ông yêu cầu ông Trần Văn C có trách nhiệm làm thủ tục sang tên diện tích đất 320m^2, thuộc thửa 206, tờ bản đồ số 02, do ông Trần Văn C đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên ông, ngược lại bên ông đồng ý sang tên cho ông Trần Văn C diện tích đất 1.300m^2, thuộc thửa 2657, tờ bản đồ số 02 do bà Lê Thị H đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho ông C theo quy định. Theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông.

Đối với phần căn nhà của cha, mẹ ông hiện nay cất lố qua đất của ông C, ông thống nhất di dời trả đất lại cho ông C.

- Tại bản tự khai (không có ngày, tháng, năm); biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2019; biên bản hòa giải ngày 22/11/2019 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 02 của ông, bà nội để lại cho cha ông. Sau đó cha, mẹ ông có cho 3 hộ gia đình (ông Út N, ông Q và 1 hộ gia đình lâu quá ông không nhớ). Khi cho ở nhờ, có giao ước khi các con của ông C lớn các hộ trên sẽ dở nhà đi để trả đất lại cho cha ông. Hiện nay 2 hộ ở nhờ đã tự nguyện tháo dở nhà trả đất lại cho cha ông xong. chỉ còn hộ gia đình ông

Q không chịu di dời đi. Trong thời gian gia đình ông Q cất nhà ở nhờ trên đất của cha ông, khoảng năm 1994 ông Q có gặp cha, mẹ ông để thỏa thuận việc đổi đất, cụ thể bên ông Q giao cho cha, mẹ ông diện tích đất ruộng là 1.300m^2 để cha, mẹ ông quản lý và sử dụng, ngược lại cha ông giao lại cho gia đình ông Q 320m^2 (chiều ngang 16 mét, chiều dài 20 mét) để bên ông Q cất nhà ở. Việc đổi đất trên chỉ có vợ chồng ông Q và cha ông (ông C) ký tên vào tờ thỏa thuận ngày 6/2/94, còn mẹ ông (bà P) không ký tên. Năm 2005 các anh, em ông có ra tranh cản nhưng ông Q và bà H vẫn ở trên phần đất trên.

Nay bên bà H yêu cầu cha ông làm thủ tục sang tên phần diện tích 320m^2, thuộc 1 phần của thửa đất số 206, tờ bản đồ số 2 do cha ông đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không đồng ý. Bên ông sẽ tự nguyện trả lại phần đất diện tích đất 1.300m^2, thuộc thửa 2657, tờ bản đồ số 02 do bà Lê Thị H đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bên bà H phải di dời nhà, vật kiến trúc, chặt đốn các cây để trả lại diện tích đất chiều ngang 16m, chiều dài 20m diện tích 320m^2, thuộc thửa 206, tờ bản đồ số 02 do ông Trần Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì thêm về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 167 Luật đất đai, Điều 500 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bên bà H đối với ông C.

Buộc bên ông C làm thủ tục sang tên phần diện tích 320m^2, cho bên bà H theo quy định.

Buộc bên bà H làm thủ tục sang tên cho ông C 1.300m^2 theo quy định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thu hồi diện tích 320m^2, thuộc 1 phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00985 cấp ngày 21/12/2007, do ông C đứng tên, để cấp lại diện tích trên cho bà H theo quy định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thu hồi diện tích 1.300m^2, thuộc thửa đất số 2657, tờ bản đồ số 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04071, do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp ngày 06/9/2018 do bà Lê Thị H đứng tên, để cấp lại diện tích trên cho ông Trần Văn C theo quy định.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 09/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua xem xét thẩm định tại chổ thể hiện: Phần đất tranh chấp giữa các bên hiện nay có diện tích là 320m^2, thuộc 1 phần của thửa 206, tờ bản đồ số 02, do hộ ông Trần Văn C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên phần đất tranh chấp có 01 căn nhà của bà H, chiều ngang 6,2 mét, chiều dài 11,9 loại nhà cấp 4, xây bằng bê tông, nền lát gạch bông, mái lợp tol. Tổng diện tích căn nhà là 76m^2.

01 căn nhà bếp chiều ngang 3,6 mét, chiều dài 4,7 mét, nhà cất bằng gổ tạp. Phần nhà bếp cất dính liền với nhà lớn.

Phần diện tích căn nhà của bà H cất lấn qua đất của ông C (phần còn lại) chiều ngang là 6,6 mét, chiều dài 2,1 mét.

01 chuồng gà, 1 bên xây bằng bê tông, 1 bên cất bằng lưới B40, mái lợp top, chiều ngang 2 mét, chiều dài 3 mét.

01 cây Mít, 01 cây Ổi, 01 cây Gáo, 01 cây Xoài, các cây này do bên bà H trồng cách nay khoảng 10 năm.

Một số cây ngắn ngày như: Chuối, Mía ….. các cây này do bên bà H trồng và sử dụng.

Phần diện tích tranh chấp 320m^2, hiện do bên bà H quản lý và sử dụng.

1.300m^2 đất thuộc thửa 2657, tờ bản đồ số 2, do bà H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này bên ông C đang quản lý và sử dụng.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bên ông C làm thủ tục sang tên phần diện tích 320m^2, thuộc 1 phần của thửa số 206, tờ bản đồ số 02, do hộ ông Trần Văn C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho bên bà H theo quy định.

Ông H2 thống nhất theo ý kiến của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Đại diện bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông T2 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu trả lại phần đất diện tích đất 1.300m^2, thuộc thửa 2657, tờ bản đồ số 02 do bà Lê Thị H đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bên bà H phải di dời nhà, vật kiến trúc và các cây trồng để trả lại diện tích đất chiều ngang 16m, chiều dài 20m diện tích 320m^2, thuộc thửa 206, tờ bản đồ số 02 do ông Trần Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[1] Xét thấy yêu cầu của bên bà H, yêu cầu bên ông C sang tên phần diện tích đất 320m^2 là có căn cứ chấp nhận, bởi vì, tuy phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của gia đình ông C, nhưng phần đất này giữa vợ chồng ông C và vợ chồng bà H đã thống nhất trao đổi đất với nhau, việc trao đổi đã được các bên lập thành văn bản, tại phiên tòa, ông H2 (đại diện cho bên bà H) và ông T2 (đại diện cho bên ông C) đều thừa nhận: Tờ cam kết thỏa thuận đổi đất ngày 6/2/1994 là vợ chồng bà H và vợ chồng ông C lập, qua xem xét nội dung trong tờ cam kết trên thể hiện: *"Bên ông Hồ Văn Q đưa cho ông C 1.300m^2 đất có quyền canh tác và sử dụng, bên ông C đưa lại cho ông Q số đất nhà ở là chiều dài 20 mét, chiều ngang 16 mét. Tổng diện tích là 320m^2, ông Q có quyền sử dụng trên mặt đất. Hai bên thỏa thuận đến suốt đời, con 2 bên không quyền ngăn cản"*. Mặc khác, sau khi 2 bên thỏa thuận đổi đất, các bên đã tiến hành giao đất cho nhau, cụ thể: Bên bà H

giao cho ông C phần diện tích 1.300m^2 đất ruộng cho bên ông C quản lý và sử dụng, ngược lại bên ông C đã giao cho bên bà H 320m^2 đất để cất nhà ở và trồng cây lâu năm. Từ khi 2 bên trao đổi đất và sử dụng cho đến nay, không ai có ý kiến hay tranh chấp gì. Mặc khác, tại biên bản hòa giải ngày 09/11/2013, vợ chồng ông C cũng thừa nhận có trao đổi phần đất trên với bên bà H, nguyên nhân vợ chồng ông C chưa làm thủ tục sang tên phần đất đã đổi cho bên bà H là do phần đất trên còn dính trong tông chi. Như vậy, có căn cứ xác định các bên đã thống nhất trao đổi đất với nhau để sử dụng. Do đó, nghĩ nên buộc bên ông C có trách nhiệm sang tên phần đất đã đổi cho bên bà H và bên bà H có trách nhiệm sang tên phần đất đã đổi cho bên ông C là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa, ông T2 trình bày: Việc cha, mẹ ông đổi đất cho vợ chồng ông cất nhà ở, là chỉ đổi cho vợ chồng ông Q sử dụng đất hết đời, khi nào vợ chồng ông Q chết thì phải giao trả lại phần đất đã đổi, xét lời trình bày này là không có căn cứ chấp nhận, bởi vì, như đã phân tích phần trên, việc 2 bên trao đổi đất với nhau để sử dụng là do 2 bên tự nguyện bàn bạc, sau khi thỏa thuận các bên đã tiến hành trao đổi đất với nhau để sử dụng, không có chứng cứ hoặc thỏa thuận nào thể hiện sau này các bên được trao đổi lại phần đất trên. Mặc khác, sau khi 2 bên tiến hành trao đổi đất, phần đất của ông C đổi cho bên bà H, bà H tiến hành xây cất nhà kiên cố (nhà bê tông) để ở, phần diện tích còn lại bên bà H trồng cây lâu năm nên không thể di dời được. Do đó không có căn cứ chấp nhận lời trình trên của ông T2.

[3] Tuy hợp đồng trao đổi đất giữa các bên vi phạm về mặt hình thức của hợp đồng (không làm thủ tục sang tên theo quy định), nhưng các bên đã tự nguyện thực hiện hợp đồng và đã giao đất cho nhau quản lý và sử dụng theo theo thuận trong 1 thời gian dài, nghĩ nên buộc các bên tiếp tục thực hiện hợp đồng đổi đất là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[4] Qua xem xét thẩm định tại chổ, phần căn nhà của bà H có 1 phần chiều ngang 6,6 mét, chiều dài 2,1 mét, cất trên phần đất của ông C (phần diện tích này nằm ngoài phần diện tích đổi đất giữa 2 bên). Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, ông H2 thống nhất tự nguyện di dời phần căn nhà nằm ngoài diện tích mà các bên trao đổi để trả lại đất cho ông C, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

[5] Do phần đất của ông C đổi cho bên bà H, hiện do bên bà H quản lý và sử dụng, phần đất của bà H đổi cho ông C hiện do ông C đang quản lý và sử dụng, nên không buộc các bên phải giao đất cho nhau mà chỉ buộc các bên làm thủ tục sang tên, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Do yêu cầu của bên bà H là có căn cứ chấp nhận nên bên ông C phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông H2 (đại diện cho bên bà H) thống nhất chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ nghĩ nên chấp nhận.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 167 Luật đất đai; Điều 500 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, bà Hồ Thị Kim N, ông Hồ Chí T, ông Hồ Chí H3, ông Hồ Chí H2 và bà Hồ Thị Diệu H1, đối với ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, ông Trần Văn K, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị Kiều T.

2/ Buộc ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, ông Trần Văn K, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị Kiều T có trách nhiệm làm thủ tục sang tên cho bà Lê Thị H, bà Hồ Thị Kim N, ông Hồ Chí T, ông Hồ Chí H3, ông Hồ Chí H2 và bà Hồ Thị Diệu H1 phần diện tích đất 320m^2 thuộc 1 phần của thửa đất số 206, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng đất: LNK, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00174 QSDĐ/A3,do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp 18/3/1994, do hộ ông Trần Văn C đứng tên. Cụ thể như sau:

Hướng đông giáp Quốc lộ 30 có chiều dài là 16 mét (Từ mốc số 2 đo đến mốc số 3);

Hướng nam giáp với thửa đất số 207 có chiều dài là 20 mét (Từ mốc số 3 đo đến mốc số 4);

Hướng tây giáp với phần còn lại của thửa đất số 206 có chiều dài là 16 mét (từ mốc số 2 đo đến mốc số 6);

Hướng bắc giáp với phần còn lại của thửa đất số 206 có chiều dài là 20 mét (từ mốc số 4 đo đến mốc số 6);

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thu hồi diện tích 320m^2, thuộc 1 phần thửa đất số 206, tờ bản đồ số 2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00174 QSDĐ/A3 cấp ngày 18/3/1994, do hộ ông Trần Văn C đứng tên, để cấp lại diện tích trên cho bà Lê Thị H, bà Hồ Thị Kim N, ông Hồ Chí T ông Hồ Chí H3, ông Hồ Chí H 2và bà Hồ Thị Diệu H1 theo quy định.

3/ Buộc bà Lê Thị H, bà Hồ Thị Kim N, ông Hồ Chí T, ông Hồ Chí H3, ông Hồ Chí H2 và bà Hồ Thị Diệu H1 có trách nhiệm làm thủ tục sang tên phần diện tích 1.300m^2, thuộc thửa đất số 2657, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04071, do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp ngày 06/9/2018 do bà Lê Thị H đứng tên, cho ông Trần Văn C theo quy định, cụ thể như sau:

Hướng đông giáp với kênh thủy lợi có chiều dài là 30,21 mét (Từ mốc số 3 đo đến mốc 4);

Hướng nam giáp với thửa 226 có chiều dài là 44,16 mét (Từ mốc số 4 đo đến mốc số 1);

Hướng tây giáp thửa 227 có chiều dài là 30,17 mét (Từ mốc số 1 đo đến mốc số 2);

Hướng bắc giáp với thửa 2658 có chiều dài là 41,74 mét (Từ mốc số 2 đo đến mốc số 3).

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông thu hồi diện tích 1.300m^2, thuộc thửa đất số 2657, tờ bản đồ số 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04071, do Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông cấp ngày 06/9/2018 do bà Lê Thị H đứng tên, để cấp lại diện tích trên cho ông Trần Văn C theo quy định.

4/ Chấp nhận sự tự nguyện của ông Hồ Chí H2 (đại diện cho bên bà H) về việc tự nguyện di dời phần căn nhà chiều ngang 6,6 mét, chiều dài 2,1 mét để giao trả đất lại cho ông C.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 09/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Tam Nông và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Bà Lê Thị H tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 5.868.000đ (Năm triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) (đã nộp xong).

5/ Về án phí:

Bà Lê Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hồ Thị Kim N, ông Hồ Chí T, ông Hồ Chí H3, ông Hồ Chí H2 và bà Hồ Thị Diệu H1 liên đới nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N, ông T, ông H3, ông H2 và bà H1 đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000363 ngày 16/4/2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Ông Trần Văn C được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

ông Trần Văn H, ông Trần Văn K, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn T2 và bà Trần Thị Kiều T liên đới nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ